

Số: 270/QĐ-BVTH

Thạch Hà, ngày 28 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2018
của Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Hà

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1756/TB-SYT ngày 20/08/2019 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Bệnh viện;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2018 của Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Hà (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch Tài vụ, Kế toán trưởng và các khoa, phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Như điều 2 ;
- Lưu: VT, KHTV;



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Bình

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Hà

Chương: 423*



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 310/QĐ-BVTH ngày 28/10/2019 của Giám đốc Bệnh viện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0
1	Chi sự nghiệp	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7.151	7.151	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.151	7.151	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	7.151	7.151	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.151	7.151	0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

BIÊN BẢN

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018

Đơn vị được xét duyệt: Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Hà

Mã chương: 423

I. Thành phần xét duyệt:

1. Đại diện đơn vị dự toán được xét duyệt:

Ông: Lê Văn Bình

Chức vụ: Giám đốc

Bà: Dương Thị Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng

2. Đại diện cơ quan, đơn vị xét duyệt:

a. Sở Tài chính:

Bà: Nguyễn Thị Hồng Quang

Chức vụ: PTP Hành chính sự nghiệp

b. Sở Y tế:

Bà: Trần Thị Hà

Chức vụ: PTP KHTC - Kế toán trưởng ngành

Bà: Nguyễn Thị Hải Yến

Chức vụ: Chuyên viên phòng KHTC

Bà: Võ Phan Khánh Hương

Chức vụ: Chuyên viên phòng KHTC

Bà: Trần Xuân Hòa

Chức vụ: Chuyên viên phòng KHTC

II. Nội dung xét duyệt:

1. Phạm vi xét duyệt:

Quyết toán ngân sách năm 2018 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư).

2. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí lệ phí: 0

b) Quyết toán chi ngân sách:

1. Số dư KP năm trước chuyển sang:

2. Dự toán được giao trong năm:

7.250.996.000 đồng

- Dự toán giao đầu năm:

4.200.000.000 đồng

- Dự toán bổ sung trong năm:

3.050.996.000 đồng

3. Tổng số được sử dụng trong năm:

7.250.996.000 đồng

4. Kinh phí thực nhận trong năm:

7.150.996.000 đồng

5. Kinh phí đề nghị quyết toán:

7.150.996.000 đồng

6. Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

7. Số dư KP được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (KP dư tại KBNN): 100.000.000 đồng
(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c kèm theo).

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng.
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng.
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a. Đánh giá tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi:

Đơn vị được phân loại là đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên giai đoạn 2017 – 2019 theo Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 (nhóm III). Tuy nhiên, trên cơ sở khả năng tự chủ của năm 2017, trong năm 2018 NSNN không cấp kinh phí chi thường xuyên (lương và các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn), chỉ hỗ trợ thực hiện chỉ đạo tuyến và mua sắm trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất cho đơn vị.

Nhìn chung, đơn vị đã sử dụng và quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi đảm bảo chế độ, đúng quy định. Đối với nguồn kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, đơn vị đã giải ngân kịp thời. Tuy nhiên, đối với nguồn chỉ đạo tuyến, đơn vị chưa triển khai thực hiện, trong năm chưa hoàn thành nhiệm vụ được NN giao, số kinh phí chưa giải ngân được chuyển sang năm 2019 tiếp tục quản lý và sử dụng. Số liệu quyết toán NSNN cụ thể:

- Dự toán giao trong năm: 7.250.996.000 đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 100.000.000 đồng (thực hiện chỉ đạo tuyến).

+ Chi không thường xuyên: 7.150.996.000 đồng, bao gồm: mua sắm trang thiết bị 5.608.000.000 đồng; sửa chữa cơ sở hạ tầng 1.500.000.000 đồng; KP phụ cấp ưu đãi cho cán bộ theo Nghị quyết 144/2015/NQ-HĐND: 42.996.000 đồng.

- Kinh phí đề nghị quyết toán: 7.150.996.000 đồng

- Số dư KP được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (KP dư tại KBNN): 100.000.000 đồng (thực hiện chỉ đạo tuyến).

b. Số tăng, giảm biên chế, chi từ nguồn NSNN bằng ngoại tệ: không

c. Nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu xét duyệt/thẩm định với số liệu báo cáo của đơn vị được xét duyệt/thẩm định: không.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 5.916.269.930 đồng.

- Trích lập các quỹ: 5.775.290.556 đồng, trong đó:

+ Phân phối quỹ từ thặng dư hoạt động dịch vụ: 5.747.673.806 đồng (Chi

lương tăng thêm trong năm: 1.934.000.000 đồng, bình quân 1,1 triệu đồng/người/tháng).

+ Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PTHĐSN: 27.616.750 đồng.

- Kinh phí cải cách tiền lương: 168.596.124 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b kèm theo).

Năm 2018 là năm thứ 2 thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, khả năng tự chủ về chi thường xuyên đạt 116,3% (mức độ tự chủ của đơn vị nhóm II), vượt mức tự chủ giao tại QĐ 3371 (98%), và tăng so với năm 2017 (106)%. Mức tự chủ tăng do giá dịch vụ tăng, đồng thời đơn vị thực hiện quản lý chi tiết kiệm, hiệu quả.

Thu dịch vụ trong năm 2018 gồm hoạt động thu từ KCB BHYT, viện phí, dịch vụ phòng yêu cầu, khám yêu cầu (nội soi gây mê), liên doanh liên kết (xét nghiệm đông máu) và dịch vụ thuê khoán nhà xe, nhà ăn, hiệu thuốc. Trong đó, nguồn thu từ thanh quyết toán BHYT bổ sung của năm 2017 là nguồn thu chiếm tỷ lệ cao (66,3% tổng thu).

So với dự toán giao thu đầu năm 2018: thu hoạt động SXKD trong năm 2018 giảm 20,8% (42.127.954.464 đồng/53.200.000.000 đồng). Nguyên nhân: Giao thu 2018 áp giá theo Thông tư liên tịch 37/2015/TTLT-BYT-BTC; tuy nhiên từ 15/7/2018, giá dịch vụ giảm theo Thông tư 15/2018/TT-BTC; Giao thu 2018 tính trên cơ sở ước mức tăng thu 20% so với năm 2017. Tuy nhiên, số thực thu năm 2018 chủ yếu từ nguồn thanh quyết toán vượt trần, vượt quỹ của năm 2017.

So với thu hoạt động SXKD năm 2017: thu hoạt động SXKD trong năm 2018 tăng 37% (42.127.954.464 đồng/30.630.132.514 đồng). Nguyên nhân: do thay đổi cơ chế thông tuyến và tăng mức giá dịch vụ theo Thông tư liên tịch 37/2015/TTLT-BYT-BTC.

Tỷ lệ quyết toán BHYT trong năm 2018 đạt 24,3% số thẩm định quyết toán (9.345.227.159 đồng/38.488.886.221 đồng). Chi phí năm 2017 được quyết toán bổ sung trong năm 2018: 28.284.016.677 đồng (chiếm 75,3% tổng chi phí được quyết toán). Chi phí chưa được quyết toán: 32.144.306.026 đồng, trong đó chưa quyết toán của năm 2018: 29.143.659.062 đồng, chưa quyết toán của năm 2017: 3.000.646.964 đồng. Tỷ lệ thuốc, máu, vật tư... chiếm 42,6% tổng chi phí KCB.

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

a. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đúng thời gian quy định.

b. Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: các mẫu biểu quyết toán đầy đủ, đúng mẫu quy định theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Tuy nhiên 1 số nội dung, số liệu trên mẫu biểu chưa đầy đủ, chính xác và khớp đúng; chưa có Báo cáo tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP và biểu phụ lục đánh giá mức độ tự chủ của đơn vị năm 2018.

c. Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Quản lý và sử dụng tài sản (TSCĐ, CCDC): Cơ bản chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công. Đơn vị đã hạch toán, theo dõi TSCĐ đầy đủ trên báo cáo tài chính, cuối năm có biên bản kiểm kê tài sản, đã cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm Quản lý tài sản. Tuy nhiên, còn một số tồn tại: Sổ theo dõi tài sản tại nơi sử dụng chưa đúng mẫu, chưa có ký nhận tại bộ phận sử dụng. Biên bản kiểm kê TSCĐ chưa ký đủ thành phần theo quy định.

Thuốc, vật tư, hóa chất: Xây dựng nhu cầu sử dụng vật tư, hóa chất trong năm chưa sát thực tế (xây dựng nhu cầu: 14,9 tỷ đồng > thực tế sử dụng: 3,8 tỷ đồng).

- Chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước: Chưa thực hiện nghĩa vụ đóng nộp thuế kịp thời cho cơ quan thuế (thuế GTGT và TNDN từ hoạt động dịch vụ).

- Chế độ chi tiêu: Chế độ chi tiêu cơ bản bám sát dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản hiện hành; tích cực thực hiện tận thu, tiết kiệm chi, đảm bảo các chế độ cho cán bộ trong đó có chi thu nhập tăng thêm và khen thưởng, phúc lợi.

Quy chế chi tiêu nội bộ giai đoạn 2017 – 2019, sửa đổi bổ sung năm 2018 được xây dựng khá chi tiết, đầy đủ nhưng còn một số nội dung chưa bám sát Nghị định 85/2012/NĐ-CP, các văn bản hiện hành và dự toán được giao (chế độ phụ cấp cho 1 số vị trí không có chức vụ, chi cán bộ đi học, chi chuyển giao kỹ thuật...). Chưa thực hiện đúng quy định về chi trả tiền lương cho cán bộ trong thời gian đi học (bác sỹ Trương Thị Thanh Hồng đi học trên 3 tháng nhưng vẫn được chi trả phụ cấp ưu đãi nghề).

- Công nợ: Đã thực hiện đối chiếu công nợ phải trả với các đối tượng, tuy nhiên còn thiếu một số đối tượng như: Bệnh viện đa khoa tỉnh (127.705.000 đồng); Công ty TNHH DP Trường Sinh (128.700.000 đồng), các đối tượng là cán bộ trong đơn vị tạm ứng chưa hoàn trả... Một số số liệu về công nợ:

+ Phải trả Bảo hiểm xã hội (số dư tạm ứng KP): 22.134.256.319 đồng.

+ Thuốc xuất dùng chưa quyết toán: 14.017.566.850 đồng.

+ Công nợ phải trả cho người bán: 4.070.833.424 đồng.

+ Công nợ tạm ứng cho cán bộ CNV: 60.500.000 đồng.

- Trích lập và sử dụng Quỹ: chưa trích lập quỹ Khám chữa bệnh và nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Một số nội dung chi từ các quỹ chưa đúng mục đích (chi hỗ trợ tai biến chuyên môn, tiền thu nhập tăng thêm... từ Quỹ phúc lợi); một số nội dung chi hỗ trợ, phúc lợi nhưng còn hạch toán trên chi thường xuyên (chi hỗ trợ kinh phí đào tạo, tổ chức thi kiểm tra Đảng, đề tài nghiên cứu khoa học, tiền học, dân quân tị vệ...).

- Chứng từ kế toán (kiểm tra chọn mẫu, không xác minh thực tế): chứng từ lưu trữ gọn gàng sạch đẹp, khoa học, khá đầy đủ, đúng quy trình. Tuy nhiên còn một số tồn tại:

+ Hồ sơ mua sắm tài sản dưới 100 triệu đồng chưa thực hiện theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC. Một số hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng không có bộ phận sử dụng, quản lý tài sản/dịch vụ xác nhận.

- + Nộp tiền BHXH, BHYT, KPCĐ chưa kèm theo bảng tính chi tiết.
- Hạch toán thu, chi: cơ bản chấp hành chế độ kế toán. Tuy nhiên còn một số sai sót, nhầm lẫn:
 - + Thực hiện thu tạm ứng và chi trả tiền thừa viện phí cho bệnh nhân chưa khoa học, chưa đúng tính chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm bội thu, bội chi tiền mặt tại đơn vị.
 - + Chưa hạch toán tiền lương qua tài khoản tiền gửi ngân hàng.
 - + Hạch toán hao mòn tài sản cố định chưa đúng tài khoản.

d. Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: tại thời điểm xét duyệt quyết toán NSNN năm 2018, đơn vị không phát sinh kiểm toán, thanh tra.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị khắc phục các tồn tại đã nêu trên. Bám sát các văn bản hướng dẫn chế độ hiện hành, đặc biệt là chấp hành đúng quy định, quy trình thủ tục trong công tác mua sắm, sửa chữa.

- Chủ động cân đối thu – chi, nêu cao tinh thần tự chủ tự chịu trách nhiệm trong công tác điều hành và quản lý tài chính của đơn vị. Nghiêm cấm sử dụng nguồn cấp ứng KCB BHYT của BHXH để chi lương tăng thêm, trích lập các quỹ khi chưa cân đối thu - chi. Thường xuyên rà soát, đánh giá về mức độ tự chủ, nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị.

- Đốc thúc và phối hợp BHXH quyết toán bổ sung số chi phí KCB BHYT năm 2017, 2018 kịp thời.

- Thực hiện ký kết hợp đồng và thanh toán công khám cho các Trạm y tế xã qua tài khoản của Trung tâm y tế dự phòng huyện.

Biên bản này được lập thành 04 bản (mỗi bên giữ hai bản) được thông qua và được mọi người nhất trí ký tên dưới đây./.

Đại diện BVĐK Thạch Hà
GIÁM ĐỐC



Lê Văn Bình

Đại diện Sở Tài chính

Nguyễn T Hồng Quang

Đại diện Sở Y tế
PTP KHTC

Trần Thị Hà

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2018

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Hà
Chương: 423



Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
01	Doanh thu (01=02+03+04)	5.446.105.748	5.446.105.748	
02	a. Từ NSNN cấp	5.446.105.748	5.446.105.748	
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại			
05	Chi phí (05=06+07+08)	5.446.105.748	5.446.105.748	
06	a. Chi phí hoạt động	5.446.105.748	5.446.105.748	
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
08	c. Chi phí hoạt động thu phí			
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)			
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
10	Doanh thu	42.354.599.369	42.354.599.369	
11	Chi phí	36.425.118.295	36.425.118.295	
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	5.929.481.074	5.929.481.074	
	Hoạt động tài chính			
20	Doanh thu			
21	Chi phí			
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)			
	Hoạt động khác			
30	Thu nhập khác	29.046.256	29.046.256	
31	Chi phí khác	1.120.000	1.120.000	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	27.926.256	27.926.256	
40	Chi phí thuế TNDN	13.211.144	13.211.144	
41	Các khoản phải nộp NSNN khác			
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	5.944.196.186	5.944.196.186	
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính			
52	Phân phối cho các quỹ	5.803.216.812	5.803.216.812	
53	Kinh phí cải cách tiền lương	168.596.124	168.596.124	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Y SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH)

Năm 2018



Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Hà

Chương: 423

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Loại 130			Loại 130			Loại 130		
		Tổng số		Chênh lệch	Tổng loại 130		Chênh lệch	Khoản 132		Chênh lệch
		Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ		Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ		Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7
1	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									
2	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC									
3	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang									
4	(01=02+05)									
5	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)									
6	- Kinh phí đã nhận									
7	- Dự toán còn dư ở Kho bạc									
8	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)									
9	- Kinh phí đã nhận									
10	- Dự toán còn dư ở Kho bạc									
11	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	7.250.996.000	7.250.996.000		7.250.996.000	7.250.996.000		7.250.996.000	7.250.996.000	
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000	
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000	
14	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	7.250.996.000	7.250.996.000		7.250.996.000	7.250.996.000		7.250.996.000	7.250.996.000	
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000	
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000	
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000	



**SỞ LỰU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH)
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH**

Năm 2018

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Hà

Chương: 423

PHẦN II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN:

Đơn vị: đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn ngân sách nhà nước		
					Số báo cáo	Số xét duyệt/ Thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt/ Thẩm định	Chênh lệch
A	B	C	D	E	I	2	3=2-1	4	5	6=5-4
				Tổng số:	7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000	
130	132			I. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000	
				Khám bệnh, chữa bệnh	7.150.996.000	7.150.996.000		7.150.996.000	7.150.996.000	
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	42.996.000	42.996.000		42.996.000	42.996.000	
			6449	Chi khác	42.996.000	42.996.000		42.996.000	42.996.000	
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	1.548.421.400	1.548.421.400		1.548.421.400	1.548.421.400	
			6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	2.000.000	2.000.000		2.000.000	2.000.000	
			6907	Nhà cửa	1.515.251.400	1.515.251.400		1.515.251.400	1.515.251.400	
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	31.170.000	31.170.000		31.170.000	31.170.000	
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	5.551.578.600	5.551.578.600		5.551.578.600	5.551.578.600	
			6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	5.546.000.000	5.546.000.000		5.546.000.000	5.546.000.000	
			6999	Tài sản và thiết bị khác	5.578.600	5.578.600		5.578.600	5.578.600	
		7050		Mua sắm tài sản vô hình	8.000.000	8.000.000		8.000.000	8.000.000	
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	8.000.000	8.000.000		8.000.000	8.000.000	